

TÌNH YÊU TRONG THƠ VIỆT NAM TỪ GIỮA THẬP KỈ 80 ĐẾN NAY

ĐẶNG CAO SỬU*

TÓM TẮT

Sau năm 1986, tình yêu trở thành một đề tài lớn trong thơ. Tình yêu được biểu hiện trong thơ rất đa dạng nhưng tập trung trên hai phương diện: Sự phong phú và tính chất nhục cảm. Tình yêu trong thơ đương đại làm tăng thêm hệ giá trị của văn học dân tộc.

Từ khóa: thơ Việt Nam, tình yêu, phong phú, nhục cảm.

ABSTRACT

Love in Vietnamese poetry from the mid 80s up to now

After 1986, love has become a major theme in poetry. Although love is expressed in poetry in a variety of ways, there are two main aspects: the abundance and orgasm. Love in contemporary poetry increases the value system of the national literature.

Keywords: Vietnamese poetry, love, abundance, orgasm.

Sau năm 1986, bối cảnh văn hóa - xã hội đã tạo điều kiện cho thơ Việt Nam có những chuyển động lớn về tư duy và cảm hứng thơ. Sự khác nhau của các thời đại thơ ca suy cho cùng là sự khác nhau về cái tôi trữ tình. Giờ đây, cái tôi trữ tình đã không còn chiếm độc tôn trong thơ như giai đoạn trước. Cái tôi trữ tình - đời tư trở thành cái tôi chủ thể trong thơ. Thơ trở về với cuộc sống đời thường với những cảm xúc cá nhân, với những lo toan của thời hậu chiến. Bên cạnh đó, những va đập cuộc đời đã tác động đến nhận thức của các nhà thơ, làm cho họ có cái nhìn chân thật, từng trải hơn về hiện thực, một cái nhìn tinh táo, rạch ròi, duy lý và đầy tính cá thể, đặc biệt là cái nhìn về tình yêu. Tình yêu là đề tài muôn thuở của thơ ca. Tình yêu trong giai đoạn thơ từ năm 1986 đến nay mang những đặc điểm riêng và có những biểu hiện phong phú.

1. Tình yêu phong phú và đa dạng sắc thái biểu cảm

Thơ tình trước đây chú ý khía cạnh lí tưởng hóa và mỹ hóa tình yêu. Trong thơ mới, tình yêu đã được đề cập như một phần không thể thiếu của con người bản thể. Thế nhưng, các nhà thơ mới đã mỹ hóa tình yêu. Trong thơ họ, tình yêu lung linh, mờ ảo, sương khói. Xuân Diệu, ông hoàng của tình yêu, đã có những câu thơ đậm màu sắc dục:

Hãy sát đôi đầu

Hãy kề đôi ngực

*Hãy trộn vào nhau đôi mái tóc
ngắn dài*

*Những cánh tay hãy quấn riết đôi
vai*

Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt

*Hãy khăng khít những cặp môi gần
chặt.*

(Vội vàng - Xuân Diệu)

Nhưng dù sao, đó vẫn chỉ là những

* ThS, Email: suudangcao@yahoo.com.vn

ước muốn hơn là hành động. Bởi theo mỹ cảm lãng mạn, tình yêu phải là sự thăng hoa, sự hòa lẫn của xác thịt đã làm tình yêu trở nên trần tục. Vũ Hoàng Chương viết:

*Hai xác thịt quấn vào nhau mê mãi
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa
chôn*

*Khi tỉnh dậy buồn như nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh
hồn.*

(Vũ Hoàng Chương)

Điểm khác biệt đã làm nên diện mạo thơ tình sau 1986 là không chỉ dừng lại ở sự tán tỉnh, ca ngợi và thương thức, cái được khẳng định của thơ tình hiện nay ở chỗ con người - cá nhân - tình yêu rất cứng cõi và mạnh mẽ, đam mê và không bi lụy.

Khác với thơ của giai đoạn trước, thơ sau 1986 lấy trữ tình làm nguyên tắc tổ chức bài thơ, lấy sự vận động không ngừng của dòng ý thức, sự vận động của nội tâm và chủ thể trữ tình làm cốt lõi. Tầm vóc mới của cái tôi trữ tình đã tạo nên thế giới trữ tình trong thơ sức hấp dẫn và khả năng chiếm lĩnh hiện thực cao. Chính vì vậy, thơ tình của thời kỳ sau 1986 mang nhiều dáng vẻ và cung bậc khác nhau.

Trước hết, tình yêu trong thơ sau 1986 mãnh liệt và da diết. Họ dám bày tỏ những khao khát tình yêu (*Thị Màu* - Anh Ngọc, *Người đàn bà đang yêu, Nhớ và khát* - Hồng Ngát, *Em sẽ yêu anh như tháng giêng* - Phạm Thị Ngọc Liên). Đó là nỗi nhớ nhung, bồi hồi rất thực, là ước muốn về hạnh phúc đời thường rất bình dị:

*Em nấu bếp nhìn anh trong mắt ướt
Thế là chiều Hà Nội bớt lang thang.*

(Trần Quang Quý)

Đó là tình yêu gắn liền với sự thủy chung, gắn liền với triết lí, chiêm nghiệm về lẽ được mất ở đời:

Thôi đừng nhỏ cỏ lên trời

Khi tan mộng mị biết ngồi với ai.

(Mai Văn Phấn)

Trong thơ Mai Văn Phấn ta bắt gặp nhiều biểu tượng, những “cổ mẫu” trong vô thức tập thể của nhân loại hiện lên và gọi nhiều liên tưởng độc đáo: “mưa” là biểu tượng của kỉ niệm, là giọt thời gian rơi, “cỏ” là biểu tượng của sức sống mãnh liệt, của sự bền bỉ... Những dòng lục bát trên gọi nhiều điều về sự vĩnh hằng của tình yêu bất diệt. Không chỉ mãnh liệt trong tình yêu, họ còn dám đối diện với sự tan vỡ, với nỗi bất hạnh của chính mình, họ công khai thừa nhận những lỡ lầm, mất mát, đau khổ:

Bong bóng vỡ đầy tay

Bong bóng rơi đầy mắt

Mảnh hồn nào em đánh mất vì anh.

(Đinh Thị Thu Vân)

Bi kịch của tình yêu chính là sự xa cách hững hờ. Thơ trung đại cũng đã nói rất hay về sự chia li, xa cách:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xa xa những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

(*Chinh phụ ngâm khúc* - Đoàn Thị

Diễm)

Con người cô đơn với nỗi sầu biệt li như rợn ngợp trước không gian bao la. Tình yêu trong thơ trung đại như hòa đồng vào vũ trụ, nhưng như vậy không có

nghĩa là phủ định sự tồn tại cá nhân, mà là khẳng định cá nhân trong một giới hạn khác. Còn trong thơ đương đại, tình yêu con người thấm đẫm những cảm xúc cá nhân. Con người cô đơn như mồn mõi trước sự lạnh lùng vô tận của thời gian:

Anh hững hờ suốt cả mùa thu.

(Nghiêm Thị Hằng)

Tình cảm yêu ghét, tâm trạng xót xa, đó chính là “sức mạnh bản chất của con người” (K. Marx). Tự biểu hiện là một xu thế và bản chất của con người. Có điều trước 1975, nó chỉ là một phần mờ hồ bên cạnh chức năng chính của văn học là phản ánh hiện thực. Sau 1986, với xu thế hướng nội của văn học nó trở thành một phương thức biểu hiện chính của văn học. Đó là sự thay đổi điểm nhìn, thay đổi hệ quy chiếu trong nghệ thuật. Vì vậy, cái tôi hoài nghi, cái tôi ca hát chiếm lĩnh khá lớn trong thơ.

Sự cứng cõi thể hiện trong thái độ thân nhiên chấp nhận sự đau khổ, xem nó như một phần của cuộc sống, của tình yêu:

*Người thiếu phụ có đôi mắt buồn
Đi lang thang trong chiều mùa hạ
Nỗi cô đơn lây sang cả đá.*

(Nỗi buồn thiếu phụ - Thúy Nga)

Nhưng ẩn đằng sau thái độ mạnh mẽ ấy là thái độ xót xa, đau khổ về số phận bất hạnh của người phụ nữ:

*Ta trao cả cho anh
Một tình yêu cháy bỏng
Như một cánh bướm xinh
Hiển mình cho biển rộng
Ta đã gọi cho anh
Một con tim dào dạt
Và anh trả cho ta
Nỗi buồn đau tan nát.*

(*Gửi tình yêu* - Đoàn Thị Lam Luyến)

Một nỗi đau mang chiều dài lịch sử, nỗi khát khao, nỗi bất hạnh của kiếp phụ nữ, cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu:

*Em như vạt cháy rừng quanh năm
đòi cứu hỏa*

*Như ngọn lửa sông Hồng chỉ chực vỡ
đê*

*Như Eva khát một lần trái cấm
Trái cấm rơi phúc họa cũng theo
về.*

(*Gửi Thúy Kiều* - Đoàn Thị Lam Luyến)

Trong giai đoạn trước, cảm hứng sử thi chi phối bút pháp tạo hình, vì vậy, hình ảnh trong sử thi là những khoảnh khắc tương hợp tầm vóc của cái nhìn sử thi. Ngược lại, trong thơ đương đại thường sử dụng những hình ảnh giàu sắc thái biểu cảm chồng khít lên nhau, tạo sự liên tưởng đa chiều và trùng phức thể hiện những cảm xúc của con người trong tình yêu. Những hình ảnh giàu sức biểu cảm của đoạn thơ trên đã nói rất nhiều về tình cảm khát yêu của cái tôi đương đại, không phải chỉ đơn thuần là những cơn mưa trữ tình của các nhà thơ mới mà là những hình ảnh giàu cảm xúc của đời thường.

Dù đau khổ tuyệt vọng, người phụ nữ vẫn vượt lên, vẫn bao dung trong tình yêu như cánh cò trong ca dao muôn đời vẫn vậy, ân tình và rộng mở. Thơ tình của các tác giả nữ hiện nay đáng chú ý bởi cách nói táo bạo, thẳng thắn về những sắc thái đa diện, lập thể của tình yêu.

*Ta thềm khóa thân dưới nắng
Thềm ngủ yên trên cát*

Có vòng tay người tình như chiếc lưới

Võng ta vào giấc mộng trăm năm.

(*Biển trăm năm* - Phạm Thị Ngọc Liên)

Trong tình yêu, người phụ nữ yêu rất hiện đại nhưng cũng rất truyền thống. Đó là tình yêu rất thủy chung và đầy nữ tính:

Em nữ tính nhiều mà sao vẫn thiếu

Đóa nhung đen nở mịn đường cỏ ẩm

Còn nợ mùa thu vì em trắng quá

Suốt đời mãi miết chạy theo tình yêu.

(*Tình tự ca* - Vi Thùy Linh)

Có thể nói sau 1986, thơ tình Việt Nam trở về với con người đa dạng, phức tạp với thế giới nội tâm sâu thẳm. Hình tượng người phụ nữ, nay lại được khai thác trên những khía cạnh nhân bản với những đặc tính: si mê, đa mang, đại kờ, khát khao hạnh phúc, cần răng chịu đựng... Tình yêu không thể chỉ đẹp như trong truyện cổ tích, không sâu nào với một không khí của lệ rơi, tim vỡ, hoa tàn, hương nhạt của thơ tình lãng mạn. Đó cũng không thể là tình yêu mang lí tưởng xã hội cao cả của thời chiến. Tình yêu trong thơ đương đại là một “*cõi miền rất riêng tư với các dạng vẻ vĩnh cửu của nó; mát mát, tan vỡ, hòa hợp, giận hờn, nỗi đau đớn tinh thần, sự trống rỗng vô vọng, niềm khắc khoải, chênh vênh, day dứt, dự cảm, nồng nàn... Nó phức tạp hơn và trần tục hơn.*” [4]

2. Tình yêu mang tính nhục cảm

Nhưng điểm làm nên sự khác biệt giữa tình yêu trong thơ đương đại và thơ trước đó chính là tính nhục cảm của tình yêu. Một trong những vấn đề chủ nghĩa

hiện sinh quan tâm lí giải là những khao khát nhục cảm của con người được xem như một giá trị nhân văn, nhục cảm như một giá trị, là một phần của sự sống. Thứ “*nhục cảm lành mạnh*” (Friedrich Engels) đã được thể hiện một cách tinh tế nhưng không kém phần bạo liệt trong thơ đương đại.

Trước hết, tính nhục cảm trong tình yêu của thơ sau 1986 được biểu hiện ở những khát khao giao cảm thân xác.

Tình yêu trong thơ Vi Thùy Linh là những cơn rock đầy nhục cảm, khao khát yêu đương đã trở thành một tuyên ngôn, một giá trị sống đầy chất hiện sinh. Với một ý thức nữ quyền cao, tác giả đã ý thức đập vỡ những rào cản để nói lên tiếng nói sâu sắc nhất của cái tôi lúc nào cũng khao khát yêu đương:

Khu vườn vắng lại chỉ còn anh và em. Khởi đầu phận sự thiêng liêng. Những cặp chân khóa chặt nhau khước từ chân lí.

(*Anh sẽ ru em ngủ* - Vi Thùy Linh)

Thơ Linh cháy bỏng khát vọng về tình yêu nhục dục:

Hãy ghì chặt em, hãy hôn em, vượt qua khắc nghiệt

Chỉ có đôi mắt anh, đôi môi anh có lửa

Chỉ có đôi mắt anh, đôi môi anh cháy ở môi em.

(*Ở lại* - Vi Thùy Linh)

Những khao khát ấy được đẩy lên tận cùng cảm xúc, trong không gian tình yêu mọi điều đều có thể, không cái gì là không có thể:

Khỏa thân trong chăn.

Thèm chồng,

*Thèm có chồng ở bên. Chỉ cần anh
gối lên đùi.*

(*Chân dung* - Vi Thùy Linh)

Đọc thơ Vi Thùy Linh nghe đồng vọng thơ Walt Whitman với những câu thơ tụng ca thân xác, những câu thơ căng cảm giác, giác quan, nhưng ở thơ Linh nhu cầu giải phóng năng lượng mạnh, rất mạnh, nhất là năng lượng tình yêu. Ngôn ngữ của thơ Vi Thùy Linh là “những trận bạo động chữ” (Văn Giá), với những động từ sôi sục sự sống: “Phun”, “trào”, “cắn”... Biểu tượng trong thơ Vi Thùy Linh làm sống lại những cảm thức về văn hóa phồn thực của dân tộc. Thơ Linh đã trở thành một hiện tượng lạ trong xã hội phương Đông nhiều ràng buộc, ức chế. Chính vì vậy, Lưu Khánh Thơ trong bài viết *Sự cách tân của thơ trẻ đương đại* đã nhận xét: “Vi Thùy Linh là cây bút nữ đầu tiên không ngần ngại thể hiện những khao khát nhục cảm trong thơ mình một cách hăm hở”.

Không chỉ có Vi Thùy Linh, tình yêu trong thơ Phạm Thị Ngọc Liên đầy những cảm xúc mạnh mẽ, nó là tiếng gọi tha thiết đầy chất hiện sinh với ý thức nữ quyền mà ta không thể tìm thấy ở thời kì tiền đổi mới:

*Lặn ngụp trong thơ
Tắm gội mối tình mình
Hừng hực trong tôi
Cháy bỏng ngôn từ
Không hề giấu mặt
Phải trả nỗi đau bằng tiếng hét”.*

(*Khỏa thân tím* - Phạm Thị Ngọc Liên)

Cũng như Phạm Thị Ngọc Liên, khát vọng nhục cảm trong thơ Ly Hoàng

Ly cháy bỏng, mạnh mẽ, đó là khát vọng của những đêm ân ái nồng nàn, cuồng nhiệt ở người đàn bà luôn ý thức rất cao về quyền sống đích thực:

Đêm là của chúng mình

Sao nữ ngủ hở anh.

(*Đêm là của chúng mình* - Ly Hoàng Ly)

Trong thơ mới, trăng của Hàn Mặc Tử cũng e ấp, thẹn thùng, chờ đợi... Nhà thơ trăng hóa hình ảnh người phụ nữ trong thơ:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi.

Còn Đoàn Thị Ngọc Thu thì khát vọng ái ân được biểu hiện ở thái độ người phụ nữ muốn giao hòa cùng thiên nhiên:

*Thôi, em sẽ làm tình cùng trăng,
cùng gió và cả mặt trời*

*Đêm cong mình lên và trăng mềm
phủ sóng.*

(*Yêu II - Quá giang*)

Tình yêu nhục cảm gắn liền với yếu tố tâm linh. Hoàng Cầm với hai tập thơ *Về Kinh Bắc* và *Mưa Thuận Thành* được giới thiệu vào giữa những năm 90 là những tác phẩm tiêu biểu. Trong thơ Hoàng Cầm, người đọc có thể bắt gặp những rung động và khoái cảm mà những vần thơ đậm đà sắc dục mang lại:

*Thuở ấy Chị chưa về thơ Anh
Áo tơ dính chặt bó khuôn hình
Đến khi xé lụa bùng da thịt
Ngửa mặt phù du khép gió xanh
Rung suốt dây si nhíp quá mê
Nghe nghìn thế giới trượt ghềnh V
Lung liêng hồn liệng quỳ khe núi
Vạn suối trần tâm khép nép về.*

(*Dâng thơ*)

Nhưng điềm đặc biệt là thơ Hoàng Cầm mang nhiều yếu tố tâm linh và sắc dục. Mỗi câu thơ là lời nguyện cầu trước hư vô:

*Yếm may ba ngày mẹ vá lại
Khuya nghe buồn động bóng đêm
rằm.*

*(Đêm mộc)
Chuông chiều cời yếm
Chuông sớm đội khăn*

...

*Tờ kinh đắp mặt ru bươm bươm”
(Đêm Thúy)*

Hay những câu thơ gọi dậy những ẩn hình:

*Em cầm láy cời mưa hung
Miên miên tơ óng xuôi vùng khe sâu
Em ngồi đâu, chị đứng đâu
Bồng dung hai đũa hai đầu hư
không*

*Em chìm chưa, chị nổi chưa
Bồng dung hai đũa hai bờ tháng
năm.*

(Gọi đôi)

Những hình ảnh “vùng khe sâu”, “ngồi”, “đứng”, “chìm” vừa tạo hình thanh nhã, vừa gọi cho chúng ta những liên tưởng ẩn hình. Ngôn ngữ trong thơ Hoàng Cầm làm người ta liên tưởng bên trong của dáng vẻ thiêng liêng là những cuộc mây mưa bất tận.

Dâng hiến và cứu chuộc là thuộc tính của tôn giáo. Trong thơ Hoàng Cầm có những câu thơ gọi lên màu sắc này:

*Ngủ quỳ chân Phật thức thâu đêm
Nghìn mắt không soi tỏ nỗi niềm
Mảnh lá run xanh khe suối nép
Nghìn tay sao nữ thất xiêm y.*

(Cầu Phật)

Trước đây Chế Lan Viên cũng từng viết:

*Phật trăm tay anh giấu mình vào
cánh tay thứ mấy
Nhiều tay chi thêm bối rối trước
đời.*

Một đảng là cảm xúc, một đảng là lí trí, nhưng cả hai nhà thơ đều gọi lên những suy tưởng về khát vọng, về nhu cầu trần thế của con người.

Tiếp nối truyền thống thơ Hoàng Cầm là những bài thơ có tính nhục cảm gắn với tâm linh trong thơ của Trương Đăng Dung, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn... Trong thơ Nguyễn Quang Thiều có những bài thơ viết trong đêm. Trong không gian đó, nhà thơ như được sống với chính bản thể của mình, nhà thơ nhìn cuộc đời bằng đôi mắt bên trong (cái nhìn bằng linh giác, trực cảm). Chính trong thời điểm đó tình yêu mang tính nhục thể trong thơ anh trỗi dậy, nó gắn liền với cái hư vô:

Bầu vú em gió núi đã thổi mát rượi.

*(Một bài hát tình yêu của làng
Chùa)*

Ta ôm nhau ngồi thờ trước sao trời.

(Những ngôi sao)

Lê Thu bên cạnh những bài thơ rất hiện thực là những bài thơ thâm đắm màu sắc tôn giáo và tình yêu. Phùng Khắc Bắc dựng lại không gian siêu thực với Chúa, con hồng thủy và những giấc mơ thâm đắm màu sắc tình yêu và tâm linh.

Đặc biệt, tính nhục cảm của tình yêu trong thơ sau 1986 được quan niệm như là một nhu cầu tinh thần, một giá trị sống của con người bản thể. Những khát vọng nhục cảm trong thơ các nhà thơ

đương đại không tầm thường, không dẫn dắt người đọc vào thế giới bản năng mà đầy chất người và thấm đẫm những cảm xúc thăng hoa, nó trở thành động lực để sống, để vượt qua những nỗi đau và những bi kịch của đời người. Em cần anh như cần một điểm tựa về tinh thần trong thế giới mà mọi giá trị đều bị đảo lộn:

*Vai anh rộng để em thêm bé nhỏ
Mơ một ngày yên ngủ giữa vòng tay
Một ngày thôi lơ lửng áo quên cài.*

(Nhớ - Ly Hoàng Ly)

Giống như những lời tụng ca thân xác của Paul Eluard đã làm cho cuộc sống thêm thi vị:

Và cánh cửa thời gian mở giữa đôi chân em

*Đóa hoa của những đêm mùa hạ
với đôi môi sẫm sét*

*Nơi ngưỡng cánh vật nơi đóa hoa
cười và khóc*

*Trong khi vẫn tặng em trái tim em
trong khi vẫn dang đôi chân em.*

(Sẵn sàng cho những nụ hôn phục sinh)

Những khát khao ái ân đầy tính người trong thơ Anh Hồng là chất men sống để con người sống với đầy đủ ý nghĩa chứ không phải là tồn tại.

Nếu một ngày... Không còn thêm gì nữa

Có nên quăng cuộc đời vào Recycle Bin?

(Thèm)

Trong thơ Vi Thùy Linh đòi hỏi phải đặt bản năng giới tính đúng chỗ của nó. Linh yêu cầu phải tồn tại con người toàn vẹn: sự thiêng liêng và tính nhục cảm tức cái nhục thể của một tình yêu

lành mạnh:

Tôi vẫn tin

Không gì đẹp bằng con người

*Khi tình yêu giúp họ vượt mọi sự
ngăn trở*

*Tôi mãi run rẩy tôn vinh, ngợi ca vẻ
đẹp của thân thể khi thoát khỏi sự áp đặt
của mẫu mới, xuất hiện nguyên khôi*

*Như tạo hóa sinh ra trong không
gian tình yêu*

Và

*Không gì kì diệu bằng việc tạo
thành CON NGƯỜI*

*Cuộc sống được bắt đầu từ sự phiê
thai những đứa trẻ.*

(Thế giới hiện hữu)

Nhục cảm gắn liền với sứ mệnh cao quý, đó là sinh ra những con người. Thơ Vi Thùy Linh bởi vậy là tiếng nói nguyên sơ nhất nhưng cũng nhân bản nhất. Đó là tiếng nói của tình yêu nhục thể.

Tình yêu trong thơ sau 1986 có nội dung và biểu hiện rất phong phú. Cảm xúc thánh thiện trộn lẫn cảm xúc nhục dục trong thơ được tạo thành từ nữ sĩ thiên tài Hồ Xuân Hương. Xu hướng ấy được tiếp nối bởi Bích Khê, Hàn Mặc Tử, Hoàng Cầm. Ở các nhà thơ này, cảm thức thánh thiện và cảm thức nhục dục chi phối nhau tạo thành một thứ tình yêu mang hương sắc riêng. Đến các nhà thơ đương đại, tình yêu mang một dáng vẻ mới, đó là, sự hòa trộn xác thịt trong thơ Vi Thùy Linh, tình yêu gắn liền với những triết lí đời người trong thơ Trương Đăng Dung, và tình yêu đậm đà sắc dục nhưng giàu yếu tố tâm linh trong thơ Hoàng Cầm. Với những biểu hiện đa dạng, vấn đề tình yêu nhục cảm, thân xác

trong thơ thời kì đổi mới là một giá trị góp phần làm phong phú các giá trị nhân văn của nền văn học dân tộc.

Tình yêu trong thơ sau 1986 có ý nghĩa nhân sinh to lớn. Khát khao nhục cảm thân xác trong thơ Việt Nam thời kì đổi mới là một thực thể hiện sinh không thể phủ nhận cũng như không thể phủ nhận chính sự hiện hữu của con người trong thế giới này. Những nhu cầu về hạnh phúc đời thường, những khát khao tình yêu trần thế, những khao khát nhục cảm thân xác biểu hiện sự thức tỉnh của con người cá nhân mà chính những yếu tố nội sinh, ngoại nhập của thời đại đã mang lại cho thơ văn thời kì đổi mới. Mặt khác, vấn đề tình yêu nhục cảm trong thơ đương đại là sự tiếp nối tâm thức “văn hóa phồn thực” trong suối nguồn của văn học dân tộc đã có từ trong văn học dân gian, văn học trung đại và cả trong văn học hiện đại đã bị ẩn chìm trong một số thời kì do những biến động của lịch sử. Nhưng khi có điều kiện, nó sẽ sống lại và tồn tại như tất yếu của đời sống và văn học.

Về mặt giá trị nghệ thuật, tình yêu đầy tính nhục cảm trong thơ đương đại là sự cá thể hóa triệt để trong tư thế và tâm thức trữ tình cho đến giọng điệu và ngôn ngữ. Cơ sở tâm lí của nó là thái độ đoạn tuyệt mọi quy chuẩn ràng buộc, mọi cái có sẵn. Với kiểu thơ này, nhà thơ muốn khẳng định bản tính sáng tạo cá nhân của cái tôi nghệ thuật. Chính khuynh hướng sáng tác mới này tạo ra hệ giá trị mới cho thi ca dân tộc sau đổi mới và chấp cánh cho sự sáng tạo của các nhà thơ trẻ đầu thế kỉ XXI.

Tình yêu trong thơ sau 1986 là hệ quả của sự thức tỉnh cái tôi cá thể. Cái tôi con người là tổng hòa của những mối quan hệ xã hội. Nó luôn vận động biến đổi mà người nghệ sĩ lại là người khát khao đi tìm những giá trị tinh thần mới. Tình yêu, dẫu biết là đề tài muôn thuở của thi ca, nhưng ở mỗi thời đại tình yêu lại mang một diện mạo mới. Tình yêu trong thơ sau 1986 mang những giá trị mới, phong phú và đa chiều như con người đương đại hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hà Minh Đức (1989), “Thơ tình trong những năm gần đây”, *Báo Văn nghệ*, số 44/1989.
3. Lê Lưu Oanh (1991), “Sự thức tỉnh những nhu cầu xã hội và cá nhân của cái tôi trữ tình hiện nay”, *Tạp chí Văn học*, số 4/1991.
4. Lê Lưu Oanh (1991), *Cái tôi trữ tình trong thơ, qua một số hiện tượng thơ trữ tình Việt Nam 1975 -1990*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Trần Hoài Anh (2015), “Khuynh hướng hiện sinh trong thơ nữ Việt Nam thời kì đổi mới”, *Tạp chí Sông Hương*, số 320, tháng 10/2015.
6. Trần Đình Sử, Lê Lưu Oanh (1994), “Cái tôi và hình tượng trữ tình”, *Báo Văn nghệ*, số 19/1994.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-4-2016; ngày phản biện đánh giá: 21-6-2016; ngày chấp nhận đăng: 27-8-2016)